



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HUNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Hòa Bình - Tháng 1 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi tên từ Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà, Công ty tiền thân được thành lập theo Quyết định số 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Nhà máy Xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400213153, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2002 và thay đổi lần thứ chín ngày 01/11/2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 11, Phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 06/01/2016)
	Ông Trương Văn Hiến	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 06/01/2016)
	Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06/01/2016)
	Ông Phạm Văn Cung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06/01/2016)
	Ông Kiều Quang Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/08/2016)
	Ông Phạm Minh Trường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02/11/2016)
	Ông Đỗ Văn Trường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02/11/2016)
	Ông Nguyễn Tự Hào	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02/11/2016)
	Ông Đặng Xuân Dương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02/11/2016)
	Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02/11/2016)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Đặng Xuân Dương	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02/11/2016)
	Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm Giám đốc, bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 02/11/2016)
	Ông Vũ Tiến Hưng	Giám đốc Tài chính (miễn nhiệm Phó giám đốc, bổ nhiệm Giám đốc tài chính ngày 02/11/2016)
	Ông Nguyễn Thế Vinh	Giám đốc Kỹ thuật (bổ nhiệm ngày 02/11/2016)

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HUNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Đặng Xuân Dương**  
Tổng Giám đốc  
Hòa Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2017

*Vấn đề nhấn mạnh*

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, nhưng Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Trong năm 2016, Công ty lỗ thêm 2.874.094.247 đồng, làm cho lỗ lũy kế của Công ty tính đến 31/12/2016 là 30.241.643.220 đồng, vượt so với vốn góp là 10.441.643.220 đồng, số nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2016 là 28.446.693.091 đồng, đồng thời luồng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016 vẫn âm. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



Vũ Ngọc Ân  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1  
Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.  
Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

A blue handwritten signature.

Bùi Thị Thúy  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HUNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>14.145.767.879</b>	<b>12.388.958.742</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	343.419.907	2.990.302.535
1. Tiền	111		343.419.907	2.990.302.535
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.143.137.135	5.445.267.097
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.933.772.520	8.939.082.181
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	77.347.600	232.597.600
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	875.197.288	860.665.218
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(4.743.180.273)	(4.587.077.902)
IV. Hàng tồn kho	140		2.964.684.160	3.647.216.670
1. Hàng tồn kho	141	5.6	2.964.684.160	3.647.216.670
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.694.526.677	306.172.440
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	5.557.639.401	38.429.875
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.8	1.986.934.993	117.790.282
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	149.952.283	149.952.283
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>20.858.259.744</b>	<b>1.619.516.032</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	917.806.860
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	-	137.806.860
- Nguyên giá	222		12.255.358.133	74.497.092.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.255.358.133)	(74.359.285.867)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	780.000.000
- Nguyên giá	228		-	1.800.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(1.020.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.858.259.744	701.709.172
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	20.858.259.744	701.709.172
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>35.004.027.623</b>	<b>14.008.474.774</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HÙNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>28.446.693.091</b>	<b>4.577.045.995</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.333.665.482</b>	<b>4.427.045.995</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	8.393.385.072	3.334.306.173
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	16.810.000	1.810.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	138.922.698	248.721.685
4. Phải trả người lao động	314		704.086.942	111.515.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	376.767.600	215.440.183
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	2.528.661.395	514.091.132
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	4.174.581.775	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		450.000	1.161.822
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.113.027.609</b>	<b>150.000.000</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	12.113.027.609	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	150.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>6.557.334.532</b>	<b>9.431.428.779</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>6.557.334.532</b>	<b>9.431.428.779</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.800.000.000	19.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.800.000.000	19.800.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1.366.318.570)	(1.366.318.570)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.365.296.322	18.365.296.322
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(30.241.643.220)	(27.367.548.973)
- LNST chưa phân phối LK	421a		(27.367.548.973)	(17.719.504.885)
đến cuối kỳ trước				
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.874.094.247)	(9.648.044.088)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>35.004.027.623</b>	<b>14.008.474.774</b>

Hòa Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Vũ Tiến Hưng

Đặng Xuân Dương

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	7.039.610.779	5.619.699.794
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	10.113.636	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	7.029.497.143	5.619.699.794
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	9.582.901.727	9.822.002.753
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		<b>(2.553.404.584)</b>	<b>(4.202.302.959)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	6.968.673	2.412.836.609
7. Chi phí tài chính	22	5.21	193.614.002	1.666.010.416
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>193.614.002</i>	<i>45.000.000</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.22	252.134.792	1.204.745.316
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	2.303.312.345	5.544.744.165
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		<b>(5.295.497.050)</b>	<b>(10.204.966.247)</b>
11. Thu nhập khác	31	5.23	3.665.464.373	556.922.159
12. Chi phí khác	32	5.23	1.244.061.570	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		<b>2.421.402.803</b>	<b>556.922.159</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		<b>(2.874.094.247)</b>	<b>(9.648.044.088)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		<b>(2.874.094.247)</b>	<b>(9.648.044.088)</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.768)	(4.873)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hòa Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Vũ Tiến Hưng

Đặng Xuân Dương



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(2.874.094.247)	(9.648.044.088)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	197.806.860	212.747.862
- Các khoản dự phòng	03	156.102.371	663.942.618
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.976.968.673)	(2.317.382.064)
- Chi phí lãi vay	06	193.614.002	45.000.000
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(4.303.539.687)	(11.043.735.672)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	276.432.880	1.448.235.405
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	682.532.510	(357.997.615)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	7.809.872.567	191.019.199
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.519.209.526)	(38.429.875)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(419.230.933)	(45.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	450.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.217.924)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(1.474.910.113)	(9.845.908.558)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(19.436.550.572)	(211.231.331)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.970.000.000	904.545.455
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.221.525.466
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	9.971.352.970
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.968.673	499.897.508
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(17.459.581.899)	12.386.090.068
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	22.612.159.384	2.500.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.324.550.000)	(2.500.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	16.287.609.384	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	(2.646.882.628)	2.540.181.510
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	2.990.302.535	450.121.025
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	70	343.419.907	2.990.302.535

Hòa Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Vũ Tiến Hưng

Đặng Xuân Dương

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HUNG LONG TỈNH HÒA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình là doanh nghiệp được chuyển đổi tên từ Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà, Công ty tiền thân được thành lập theo Quyết định số 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Nhà máy Xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400213153, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2002 và thay đổi lần thứ chín ngày 01/11/2016.

Tên Công ty bằng Tiếng Anh: HOA BINH PROVINCE HUNG LONG TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: HUNG LONG TRADING INVESTMENT JSC.

Theo đăng ký kinh doanh số 5400213153, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 01/11/2016, vốn điều lệ của Công ty là 19.800.000.000 đồng. Các cổ đông hiện tại của Công ty bao gồm:

Sở hữu vốn:

STT	Tên Cổ đông	Số Cổ phần	Giá trị Cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Điện Biên	1.083.500	10.835.000.000	54,72
2	Vốn của các Cổ đông khác	896.500	8.965.000.000	45,28
	<b>Tổng cộng</b>		<b>19.800.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 11, Phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

##### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Trồng rừng và chăm sóc cây rừng
- Khai thác gỗ
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất và chế biến bột đá
- Sản xuất bê tông tươi
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Bán buôn ô tô con (Loại 12 chỗ ngồi trở xuống)
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Bán mô tô, xe máy
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)
- Bán buôn thực phẩm



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÓA BÌNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan  
Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)
- Bán buôn đồ uống
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng của gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
- Khai thác và thu gom than cứng
- Khai thác và thu gom than non
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Hoạt động, bốc xếp dỡ hàng hóa và các dịch vụ liên quan đến bến cảng
- Khai thác quặng sắt
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
- Cho thuê xe có động cơ
- Đại lý du lịch
- Điều hành tua du lịch
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Khai thác và thu gom than bùn
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
- Sản xuất gạch không nung
- Sản xuất vữa đóng bao
- Sản xuất cát nhân tạo./.

Hoạt động chính trong năm của Công ty trong năm 2016: xuất bán nốt các thành phẩm xi măng và đang trong giai đoạn tái cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh, và đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất gạch không nung và khai thác dịch vụ cảng.

#### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

#### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

##### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

##### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán).
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

##### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị thương hiệu của Tổng Công ty Sông Đà, được xác định theo Quyết định số 294/TCT/HĐQT ngày 25/5/2004 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Nghị quyết số 03/ĐHCD ngày 19/5/2005 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ Công ty bằng giá trị thương hiệu Sông Đà và Quyết định số 85/CT/HĐQT ngày 22/5/2005 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Năm 2016</b> <b>(Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình nêu trên được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 20 năm.

Các căn cứ ghi giảm tài sản trong năm của Công ty:

Căn cứ vào Nghị quyết 09 CT/NQ-HĐQT ngày 28/03/2016 của Hội đồng quản trị đồng ý chủ trương cải tạo và tháo dỡ các dây truyền cũ và lắp đặt dây truyền sản xuất gạch không nung.

Căn cứ vào biên bản họp Đại hội cổ đông số 01/2016 CT/BB-ĐHCD ngày 29/06/2016 thông qua chủ trương phá dỡ các nhà xưởng, dây truyền thiết bị (dây truyền nghiền liệu, dây truyền lò nung, dây truyền nghiền xi măng) để tạo mặt bằng, lắp đặt các dây truyền sản xuất gạch không nung, bê tông thương phẩm, mặt bằng dịch vụ cầu cảng. Thanh lý các tài sản không có nhu cầu sử dụng tại nhà máy để có vốn đầu tư.

Nghị quyết 13 CT/NQ-HĐQT ngày 30/06/2016 về việc giao cho Giám đốc Công ty tổ chức chi đạo thực hiện việc bán thanh lý tài sản không có nhu cầu sử dụng để thu vốn cho Công ty. Và các Quyết định thành lập ban thanh lý tài sản.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)**

Quyết định số 01 CT/TCKT ngày 31/08/2016 của Tổng Giám đốc Công ty về việc ghi giảm tài sản cố định trong đó

STT	Loại tài sản	Nguyên giá (đồng)	Khấu hao (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	32.582.761.383	32.582.761.383	0
2	Máy móc thiết bị	29.550.964.120	29.550.964.120	0
3	Thiết bị dụng cụ quản lý	108.009.091	108.009.091	0
4	Tài sản cố định vô hình	1.800.000.000	1.080.000.000	720.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>64.041.734.594</b>	<b>63.321.734.594</b>	<b>720.000.000</b>

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Đối với hoạt động sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê theo động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay và các công cụ tài chính phái sinh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Công ty mẹ, các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	336.227.305	63.453.258
Tiền gửi ngân hàng	7.192.602	2.926.849.277
<b>Tổng</b>	<b>343.419.907</b>	<b>2.990.302.535</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>6.933.772.520</b>	<b>8.939.082.181</b>
Công nợ xí nghiệp 12.6	1.168.536.074	1.168.536.074
Chu Ánh Tuyết	840.068.000	840.068.000
Các khách hàng khác	4.925.168.446	6.930.478.107
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>6.933.772.520</b>	<b>8.939.082.181</b>

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>77.347.600</b>	<b>232.597.600</b>
Công ty TNHH Cơ khí Huy Hoàng	-	132.000.000
Công ty CP tư vấn XD Công trình VLXD	33.957.600	33.957.600
Công ty TNHH phát triển hạ tầng Bảo Tín	17.140.000	17.140.000
Các nhà cung cấp khác	26.250.000	49.500.000
<b>Trả trước người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>77.347.600</b>	<b>232.597.600</b>

**5.4 Phải thu khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>875.197.288</b>	<b>-</b>	<b>860.665.218</b>	<b>-</b>
Phải thu người lao động	113.710.728	-	62.916.907	-
Phải thu Công ty CP ĐTPT KCN	550.000.000	-	550.000.000	-
Hải Hà (*)	125.235.082	-	74.307.976	-
Tạm ứng	86.251.478	-	173.440.335	-
Phải thu các cá nhân khác	-	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>875.197.288</b>	<b>-</b>	<b>860.665.218</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản tiền Tập đoàn Sông Đà (nay là Tổng Công ty Sông Đà) nhận ủy thác đầu tư của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình để tham gia góp vốn điều lệ đợt 1 vào Công ty CP Đầu tư Phát triển KCN Hải Hà theo Công văn số 195/TCT-TCKT ngày 20/02/2008.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	5.228.809.175	485.628.902	4.850.180.273	263.102.371

Trong đó:

	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công nợ của XN 12.6 chuyển sang	-	-	-	1.168.536.074
Chu ánh Tuyết - Phòng VTTT	-	-	-	840.068.000
Công ty TNHH TM MTV	-	-	-	309.316.750
Đại Hùng Cường	-	-	-	-
Công ty CP VLXD	-	-	-	382.226.087
CN Sạch Sóng Đà	-	-	-	-
Các đối tượng nợ khác	-	-	-	2.528.662.264

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.767.620.124	-	2.287.756.313	-
Công cụ, dụng cụ	183.506.910	-	38.134.016	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	1.205.439.492	-
Thành phẩm	11.510.670	-	115.886.849	-
Hàng hoá	2.046.456	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>2.964.684.160</b>	<b>-</b>	<b>3.647.216.670</b>	<b>-</b>

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.557.639.401</b>	<b>38.429.875</b>
Chi phí bi đạn - xưởng nghiền xi	-	38.429.875
Chi phí hoạt động dây chuyền gạch	3.214.329.735	-
Chi phí thiết bị, sửa chữa, cải tạo, làm đường...	2.343.309.666	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>5.557.639.401</b>	<b>38.429.875</b>

**5.8 Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	31/12/2016	Số được khấu trừ / Phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ / thực nộp trong năm	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.986.934.993	2.871.167.501	1.002.022.790	117.790.282
Thuế TNDN	149.952.283	-	-	149.952.283
<b>Cộng</b>	<b>2.136.887.276</b>	<b>2.871.167.501</b>	<b>1.002.022.790</b>	<b>267.742.565</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HUNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	41.998.657.801	30.849.926.113	1.540.499.722	108.009.091	74.497.092.727
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	32.582.761.383	29.550.964.120	-	108.009.091	62.241.734.594
Phá hủy, dỡ bỏ	32.582.761.383	29.550.964.120	-	108.009.091	62.241.734.594
Số dư tại 31/12/2016	<u>9.415.896.418</u>	<u>1.298.961.993</u>	<u>1.540.499.722</u>	<u>-</u>	<u>12.255.358.133</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2016	41.922.036.775	30.849.926.113	1.479.313.888	108.009.091	74.359.285.867
Tăng trong năm	76.621.026	-	61.185.834	-	137.806.860
Khấu hao trong năm	76.621.026	-	61.185.834	-	137.806.860
Giảm trong năm	32.582.761.383	29.550.964.120	-	108.009.091	62.241.734.594
Phá hủy, dỡ bỏ	32.582.761.383	29.550.964.120	-	108.009.091	62.241.734.594
Số dư tại 31/12/2016	<u>9.415.896.418</u>	<u>1.298.961.993</u>	<u>1.540.499.722</u>	<u>-</u>	<u>12.255.358.133</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2016	76.621.026	-	61.185.834	-	137.806.860
Tại 31/12/2016	-	-	-	-	-

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Giá trị thương hiệu	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2016	1.800.000.000	1.800.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	1.800.000.000	1.800.000.000
Thay đổi thương hiệu	1.800.000.000	1.800.000.000
Số dư tại 31/12/2016	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2016	1.020.000.000	1.020.000.000
Tăng trong năm	60.000.000	60.000.000
Khấu hao trong năm	60.000.000	60.000.000
Giảm trong năm	1.080.000.000	1.080.000.000
Thay đổi thương hiệu	1.080.000.000	1.080.000.000
Số dư tại 31/12/2016	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2016	780.000.000	780.000.000
Tại 31/12/2016	<u>-</u>	<u>-</u>

Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu Sông Đà, được ghi nhận này căn cứ theo Quyết định số 294/TCT/HDQT ngày 25/05/2004 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Sông Đà, Nghị quyết số 03/ĐHCD ngày 19/05/2005 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2005 và Quyết định số 85/CT/HDQT ngày 22/05/2005 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình. Tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

Trong năm Hội đồng quản trị Công ty thống nhất ghi giảm giá trị thương hiệu sau khi Công ty thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Dây truyền sản xuất gạch không nung	20.858.259.744	701.709.172
<b>Tổng</b>	<b>20.858.259.744</b>	<b>701.709.172</b>

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016 VND		01/01/2016 VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.393.385.072</b>	<b>3.740.985.072</b>	<b>3.334.306.173</b>	<b>3.334.306.173</b>
Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Đức Thành	4.652.400.000	4.652.400.000	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.986.385.569	1.986.385.569	1.986.385.569	1.986.385.569
Công ty TNHH CHB Việt Nam	714.082.400	714.082.400	-	-
Công ty TNHH Leading tỉnh Điện Biên	311.667.000	311.667.000	-	-
Công ty Cổ phần Sông Ngân	136.585.000	136.585.000	789.040.000	789.040.000
Công ty CP Đầu tư XD và TM Thiên Nhật	-	-	319.958.000	319.958.000
Phải trả người bán ngắn hạn khác	592.265.103	592.265.103	238.922.604	238.922.604
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>8.393.385.072</b>	<b>3.740.985.072</b>	<b>3.334.306.173</b>	<b>3.334.306.173</b>

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>16.810.000</b>	<b>1.810.000</b>
Nguyễn Thị Giang Tâm	15.000.000	-
Nguyễn Thị Thúy - Thanh Thủy - Phú Thọ	-	1.100.000
Các khách hàng khác	1.810.000	710.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>16.810.000</b>	<b>1.810.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	01/01/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	15.641.893	15.298.613	-	343.280
Thuế tài nguyên	33.130.338	-	-	33.130.338
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	388.671.631	513.769.231	125.097.600
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	90.150.467	19.796.160	19.796.160	90.150.467
<b>Cộng</b>	<b>138.922.698</b>	<b>426.766.404</b>	<b>536.565.391</b>	<b>248.721.685</b>

**5.15 Chi phí phải trả**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>376.767.600</b>	<b>215.440.183</b>
Trích trước chi phí lãi vay	348.420.010	-
Trích trước chi phí bù cước vận chuyển	-	77.716.800
Trích trước chi phí tiêu thụ	28.347.590	50.985.892
Trích trước chi phí khuyến mại	-	80.849.157
Thuê phương tiện	-	5.888.334
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>376.767.600</b>	<b>215.440.183</b>

**5.16 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.528.661.395</b>	<b>514.091.132</b>
Kinh phí công đoàn	42.187.367	21.638.407
Bảo hiểm xã hội	519.415.017	99.445.816
Bảo hiểm y tế	33.088.927	9.637.089
Bảo hiểm thất nghiệp	15.839.748	2.764.374
Tiền lương phải trả CBCNV qua ngân hàng	117.257.865	256.457.477
Tiền vay nội bộ	893.827.896	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	907.044.575	124.147.969
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>2.528.661.395</b>	<b>514.091.132</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Công ty CP ĐT TM Hưng Long	4.174.581.775	4.174.581.775	10.499.131.775	6.324.550.000	-	-
Trần Phương Lan- Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	74.581.775	74.581.775	5.899.131.775	5.824.550.000	-	-
Nguyễn Văn Hưng - P. Tân Thanh, TP Điện Biên, T.Điện Biên	-	-	500.000.000	500.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương CN Điện Biên (*)	12.113.027.609	12.113.027.609	12.113.027.609	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>16.287.609.384</b>	<b>16.287.609.384</b>	<b>22.612.159.384</b>	<b>6.324.550.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Hợp đồng hạn mức số 55/2016-HĐTD/NHCT184-CTCPXMSD ký ngày 17/07/2016 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên. Hạn mức vay là 17.300.000.000 đồng. Lãi suất 10,5%/năm. Thời hạn vay 72 tháng tính từ ngày dài ngân khoản vay đầu tiên, Mục đích vay: Đầu tư dây truyền sản xuất gạch không nung hiệu SYZJ8-20. Hình thức vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HUNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.18** **Vốn chủ sở hữu**

MÀU B 09 - DN

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	(17.719.504.885)	19.079.472.867
Tăng trong năm	-	-	-	(9.648.044.088)	(9.648.044.088)
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	(9.648.044.088)	(9.648.044.088)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	(27.367.548.973)	9.431.428.779
Số dư tại 01/01/2016	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	(27.367.548.973)	9.431.428.779
Tăng trong năm	-	-	-	(2.874.094.247)	(2.874.094.247)
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	-	-	-	(2.874.094.247)	(2.874.094.247)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	19.800.000.000	(1.366.318.570)	18.365.296.322	(30.241.643.220)	6.557.334.532

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Cổ phần	Số tiền		Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận	
		VND	VND		31/12/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hưng Long tỉnh Điện Biên	1.083.500	10.835.000.000	10.835.000.000	54,72%	10.835.000.000	10.835.000.000
Các cổ đông khác	896.500	8.965.000.000	8.965.000.000	45,28%	8.965.000.000	8.965.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.980.000</b>	<b>19.800.000.000</b>	<b>19.800.000.000</b>		<b>19.800.000.000</b>	<b>19.800.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	19.800.000.000	19.800.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	19.800.000.000	19.800.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Năm 2016 Cổ phiếu	Năm 2015 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.980.000	1.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.980.000	1.980.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.980.000	1.980.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	(136.632)	(136.632)
+ Cổ phiếu phổ thông	(136.632)	(136.632)
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.843.368	1.843.368
Cổ phiếu phổ thông	1.843.368	1.843.368

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP*

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.365.296.322	18.365.296.322
<b>Tổng</b>	<b>18.365.296.322</b>	<b>18.365.296.322</b>

**5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	7.039.610.779	5.619.699.794
<b>Tổng</b>	<b>7.039.610.779</b>	<b>5.619.699.794</b>
Các khoản giảm trừ ( <i>Giảm giá hàng bán</i> )	10.113.636	-
<b>Cộng</b>	<b>7.029.497.143</b>	<b>5.619.699.794</b>

**5.20 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	9.582.901.727	9.822.002.753
<b>Tổng</b>	<b>9.582.901.727</b>	<b>9.822.002.753</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.21 Doanh thu / Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b><i>Doanh thu hoạt động tài chính</i></b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.968.673	499.897.508
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.912.939.101
<b>Tổng</b>	<b>6.968.673</b>	<b>2.412.836.609</b>
<b><i>Chi phí hoạt động tài chính</i></b>		
Lãi tiền vay	193.614.002	45.000.000
Hoàn nhập cổ tức thùy điện Nậm Mu đã trích năm 2014	-	750.000.000
Dự phòng đầu tư góp vốn vào Sông Đà - Tây Đô	-	850.000.000
Chi phí tài chính khác	-	21.010.416
<b>Tổng</b>	<b>193.614.002</b>	<b>1.666.010.416</b>
<b>Lãi (lỗ) hoạt động tài chính</b>	<b>(186.645.329)</b>	<b>746.826.193</b>

**5.22 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>252.134.792</b>	<b>1.204.745.316</b>
Chi phí nhân viên	-	11.115.210
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	16.078.254	46.008.808
Chi phí khấu hao TSCĐ	121.185.834	194.889.912
Chi phí bằng tiền khác	114.870.704	952.731.386
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>2.303.312.345</b>	<b>5.544.744.165</b>
Chi phí nhân viên quản lý	666.278.473	1.013.388.434
Chi phí vật liệu quản lý	115.837.395	17.239.781
Chi phí đồ dùng văn phòng	282.398.086	61.616.304
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	24.271.386
Thuế, phí, lệ phí	441.279.262	187.006.282
Chi phí dự phòng	156.102.371	663.942.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	282.411.894	243.413.197
Chi phí bằng tiền khác	359.004.864	973.673.847
Chuyên tiền thi hành án cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình về khoản trợ cấp thất nghiệp cho người lao động	-	2.360.192.316
<b>Tổng</b>	<b>2.555.447.137</b>	<b>6.749.489.481</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.23 Thu nhập khác, Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản	3.665.464.373	904.545.455
Giá trị còn lại của tài sản	-	(400.477.841)
Thanh lý nguyên vật liệu	-	43.604.545
Thu nhập khác (	-	9.250.000
<b>Tổng</b>	<b>3.665.464.373</b>	<b>556.922.159</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí thanh lý tài sản	481.886.672	-
Phạt vi phạm hành chính	27.852.262	-
Giá trị còn lại của thương hiệu Sông Đà	720.000.000	-
Chi phí hao hụt hàng lưu bãi	14.322.636	-
<b>Tổng</b>	<b>1.244.061.570</b>	<b>-</b>
<b>Lãi (lỗ) hoạt động khác</b>	<b>2.421.402.803</b>	<b>556.922.159</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư các bên liên quan**

**Giao dịch với các nhân sự chủ chốt**

		Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	Lương và thù lao	720.789.080	223.053.685
<b>Tổng</b>		<b>720.789.080</b>	<b>223.053.685</b>

**Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND
Chi nhánh Công ty CP ĐT TM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Mua hàng	156.899.984
Công ty CP ĐT TM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Bán hàng	661.058.080
	Lãi vay đã trả	197.040.580
Chi nhánh Công ty CP ĐT TM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Bán hàng	239.486.292

**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2016 VND
<b><u>Các khoản phải trả</u></b>		
Chi nhánh Công ty CP ĐT TM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Phải trả người bán	84.820.000
Ông Nguyễn Văn Hưng	Phải trả gốc vay	4.100.000.000
	Phải trả lãi vay	106.030.556
Công ty CP ĐT TM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Phải trả gốc vay	74.581.775
	Phải trả lãi vay	2.147.739
<b><u>Các khoản phải thu</u></b>		
Công ty CP ĐT TM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Tiền xi măng, gạch bê tông	47.628.128
Chi nhánh Công ty CP ĐT TM Hưng Long tỉnh Điện Biên	Tiền xi măng, gạch bê tông	21.632.421

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.2 Hoạt động liên tục**

Trong năm 2016, Công ty lỗ thêm 2.874.094.247 đồng, làm cho lỗ lũy kế của Công ty tính đến 31/12/2016 là 30.241.643.220 đồng, vượt so với vốn góp là 10.441.643.220 đồng, số nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2016 là 28.446.693.091 đồng, đồng thời luồng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016 vẫn âm. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn tới nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	343.419.907	2.990.302.535
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.065.789.535	5.212.669.497
<b>Tổng</b>	<b>3.409.209.442</b>	<b>8.202.972.032</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	10.922.046.467	3.848.397.305
Chi phí phải trả	376.767.600	215.440.183
<b>Tổng</b>	<b>27.586.423.451</b>	<b>4.063.837.488</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG  
TNI  
EM  
AV  
SH



**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2016</b>			
Các khoản vay	4.174.581.775	12.113.027.609	16.287.609.384
Phải trả người bán và phải trả khác	10.922.046.467	-	10.922.046.467
Chi phí phải trả	376.767.600	-	376.767.600
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>01/01/2016</b>			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	3.848.397.305	-	3.848.397.305
Chi phí phải trả	215.440.183	-	215.440.183

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có.

Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HÙNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃ B 09 - DN

**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (tiếp theo)**

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	343.419.907	-	343.419.907
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.065.789.535	-	3.065.789.535

  

01/01/2016	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.990.302.535	-	2.990.302.535
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.212.669.497	-	5.212.669.497

**6.4 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hòa Bình, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Vũ Tiến Hưng

Đặng Xuân Dương

